

Số: 167/QĐ-TTTA

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện dự toán thu chi Ngân sách Quý III năm 2026  
của Trung tâm Phục hồi chức năng người khuyết tật Thụy An

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC HỒI CHỨC NĂNG NGƯỜI KHUYẾT TẬT THỤY AN

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ vào Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào đề nghị của Bộ phận chuyên môn;

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Công khai thực hiện dự toán thu chi Ngân sách Quý III năm 2026 của Trung tâm Phục hồi chức năng người khuyết tật Thụy An (*Chi tiết tại các biểu đính kèm*)

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Phòng Tài chính – Kế toán và các Khoa phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Vụ KH-TC;
- Lưu: TV+VT.

**GIÁM ĐỐC**  
TRUNG TÂM  
PHỤC HỒI  
CHỨC NĂNG  
NGƯỜI KHUYẾT TẬT  
THỤY AN  
Nguyễn Ngọc Tân

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH**

**Quý III năm 2026**

(Kèm theo Quyết định số 167/QĐ-TTTA ngày 06/10/2026 của  
Trung tâm Phục hồi chức năng người khuyết tật Thủ Đức)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Nội dung                               | Dự toán năm | Ước thực hiện quý III | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-----|----------------------------------------|-------------|-----------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 2                                      | 3           | 4                     | 5                                   | 6                                                                       |
| B   | Dự toán chi ngân sách nhà nước         | 34.217      | 8.695                 | 25,41%                              | 120,00%                                                                 |
| I   | Nguồn ngân sách trong nước             | 34.217      | 8.695                 | 25,41%                              | 120,00%                                                                 |
| 1   | Chi quản lý hành chính                 |             |                       |                                     |                                                                         |
| 11  | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ       |             |                       |                                     |                                                                         |
| 12  | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ |             |                       |                                     |                                                                         |
| 5   | Chi bảo đảm xã hội                     | 34.217      | 8.695                 | 25,41%                              | 120,00%                                                                 |
| 51  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên         |             |                       |                                     |                                                                         |
| 52  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên   | 34.217      | 8.695                 | 25,41%                              | 120,00%                                                                 |
| -   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên   | 33.632      | 8.663                 | 25,76%                              | 119,95%                                                                 |
| -   | Quỹ thưởng theo ND 73/ND-CP            | 585         | 32                    | 0,05%                               | 100,05%                                                                 |